

QUY ĐỊNH VỀ THỎA THUẬN CỔ ĐÔNG CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO *

BÙI NGUYỄN TRÀ MY **

Tóm tắt: Thực tiễn kinh doanh đã ghi nhận nhiều thỏa thuận cổ đông được ký kết, không chỉ với vai trò là “thỏa thuận sáng lập viên” mà còn là thỏa thuận giữa các cổ đông ngay cả sau khi công ti đã ra đời và đi vào hoạt động. Tuy nhiên, pháp luật doanh nghiệp Việt Nam chưa có quy định nào về thỏa thuận này. Bài viết nghiên cứu quy định pháp luật về thỏa thuận cổ đông của một số nước trên thế giới, phân tích một số bản án và tình huống thực tế liên quan đến thỏa thuận cổ đông đồng thời chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu lực của thỏa thuận cổ đông trong từng trường hợp cụ thể. Qua đó, bài viết lí giải tầm quan trọng cũng như phác họa một số nội dung cần thiết về thỏa thuận cổ đông cần được quy định trong pháp luật doanh nghiệp Việt Nam.

Từ khoá: Hiệu lực; quản lí công ti; thỏa thuận cổ đông

Nhận bài: 06/5/2019

Hoàn thành biên tập: 29/4/2020

Duyệt đăng: 04/6/2020

SHAREHOLDERS' AGREEMENTS UNDER THE LAW OF SOME COUNTRIES IN THE WORLD

Abstract: The business practice has already acknowledged the conclusion of many shareholders' agreements which are considered not only as “founders' agreements” but also as shareholders' agreements concluded even after the formation of corporations. This is, however, not the case of Vietnam where no provisions on such agreements are covered in the law on enterprises. The paper examines the law on shareholders' agreement of some countries in the world in which some legal precedents and practices related to shareholders' agreements are specifically analysed. It also points out factors influencing the validity of shareholders' agreements in different cases. On that basis, the paper argues for the significance of the law on shareholders' agreements and outlines some relevant legal provisions in this regard that need to be included into the law on enterprises of Vietnam.

Keywords: Validity; corporation management; shareholders' agreement

Received: May 6th, 2019; Editing completed: Apr 29th, 2020; Accepted for publication: June 4th, 2020

Năm 2014, Tạp chí CNN từng dẫn nghiên cứu của giáo sư Noam Wasserman, Trường kinh doanh Harvard (Harvard Business School) khảo sát 10.000 nhà sáng lập công ti khởi nghiệp, kết quả cho thấy

65% các dự án khởi nghiệp thất bại vì mâu thuẫn giữa các nhà đồng sáng lập.⁽¹⁾ Một trong những nguyên nhân dẫn đến thất bại chính là giữa các cổ đông này phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được do giữa họ không tồn tại bất kì quy ước nào rõ ràng từ

* Thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail: thaontp@uel.edu.vn

** Thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail: mybnt@uel.edu.vn

(1). Jennifer Alersever, *Fighting Co-Founders Doom Startups*, <https://money.cnn.com/2014/02/24/small-business/startups-entrepreneur-cofounder/>, truy cập 06/5/2019.

đầu và mang tính pháp lí. Trong thời kì “quốc gia khởi nghiệp” tại Việt Nam như hiện nay, vấn đề thoả thuận cổ đông (TTCD) được nhắc đến nhiều hơn không chỉ dừng lại giữa các cổ đông sáng lập. Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp hiện hành cũng như các văn bản luật doanh nghiệp trước đây và ngay cả dự thảo luật doanh nghiệp sửa đổi năm 2019 cũng chưa có quy định nào về TTCD. Phải chăng TTCD bản chất cũng như một hợp đồng đơn thuần được kí kết, thực hiện, giải quyết tranh chấp dựa theo quy định của pháp luật dân sự? Trên cơ sở nghiên cứu quy định pháp luật về TTCD của một số nước, bài viết đề cập các khía cạnh pháp lí xoay quanh TTCD dưới góc nhìn so sánh, từ đó trả lời ba câu hỏi: 1) TTCD là gì?; 2) tính hiệu lực của TTCD; 3) vì sao phải quy định TTCD trong pháp luật doanh nghiệp. Thực tế, cổ đông có thể đã tham gia nhiều thoả thuận với nhau hoặc với bên thứ ba nhằm tạo tiền đề, chuẩn bị tốt nhất cho sự ra đời của doanh nghiệp với tên gọi là thoả thuận tiền doanh nghiệp (pre-incorporation agreements).⁽²⁾ Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này không nghiên cứu các loại thoả thuận tiền doanh nghiệp mà chỉ xoay quanh thoả thuận giữa các cổ đông được kí kết sau khi công ti được thành lập.

1. Khái niệm và vai trò của thoả thuận cổ đông

Từ năm 1983 trong một bài viết nghiên cứu về sự cần thiết của thoả thuận cổ đông, tác giả Crawford và Gratias đã định nghĩa: “*Thoả thuận cổ đông là một văn bản hợp*

pháp điều chỉnh mối quan hệ giữa một số hoặc toàn bộ cổ đông trong một công ti đóng”.⁽³⁾

Theo Ủy ban Pháp luật công ti của Hiệp hội Luật sư thành phố New York, “*TTCD là thoả thuận giữa hai hay nhiều cổ đông của công ti thường được sử dụng trong việc kết nối với các quỹ đầu tư tư nhân và mạo hiểm, các liên doanh và các giao dịch khác của công ti*”.⁽⁴⁾ Theo tác giả Ricardo Molano-León thì TTCD là một công cụ hợp đồng để giải quyết những căng thẳng giữa các cổ đông của công ti.⁽⁵⁾ Trong khi đó, Luật Công ti của tiểu bang Florida tại Điều 607.0731⁽⁶⁾ quy định: “*607.0731 Thoả thuận cổ đông:*

1) Hai hay nhiều cổ đông có thể quy định cách thức mà họ sẽ bỏ phiếu biểu quyết bằng cách kí một thoả thuận”.

Với các cách định nghĩa trên, các văn bản pháp luật đều tập trung vào ba vấn đề của TTCD: chủ thể của TTCD; nội dung của TTCD và mục đích của TTCD. Dù được định nghĩa như thế nào thì TTCD đều được hiểu là sự thoả thuận giữa hai hay nhiều cổ đông công ti với nhau về vấn đề nào đó liên

(3). Nguyên văn: “*A shareholders’ agreement is a legal document that governs the relationship between some or all of the shareholders of a closely held corporation*”, Crawford, W. E., và P. O. Gratias. “Shareholders’ Agreements-A Need for Greater Flexibility”, *Can. Tax J.*, 31, 1983, tr. 257.

(4). Corporation Law Committee of the Association of the Bar of the City of New York, “The Enforceability and Effectiveness of Typical Shareholders Agreement Provisions”, *The Business Lawyer*, 2010, tr. 1153 - 1203.

(5). Ricardo Molano-León, “Shareholders’ agreements in Close Corporations and Their Enforcement in the United States of America”, *Vniversitas*, 117, 2008, tr. 219 - 252.

(6). Điều 607.0731 Chương XXXVI *Business Organizations (Luật Tiểu bang Florida)*, 2016, <https://law.justia.com/codes/florida/2016/title-xxxvi/>, truy cập 06/5/2019.

(2). Harry G Henn and John R Alexander, *Laws of Corporations and Other Business Enterprises*, West Academic, 1983, tr. 246.

quan đến công ti, đến quyền lợi của cổ đông. Đó có thể là quyền biểu quyết của cổ đông, quyền đề cử người vào các chức danh quản lý hay khả năng, điều kiện chuyển nhượng cổ phần của cổ đông. Kí kết TTCĐ thường là cách phổ biến giúp các nhóm cổ đông (mà từng cá nhân có thể chỉ nắm giữ một phần nhỏ cổ phần) hoạt động phối hợp để tạo thành một nhóm cổ đông có ảnh hưởng lớn. TTCĐ thường đem lại cho người tham gia quyền ưu đãi mua cổ phần nếu cổ đông khác trong thỏa thuận muốn bán. Các thỏa ước này cũng có thể bao gồm các điều khoản yêu cầu người tham gia không bán cổ phần trong khoảng thời gian nhất định. Ngoài ra, nó cũng có thể bao hàm các vấn đề như cách thức bầu chọn hội đồng quản trị hoặc chủ tịch hội đồng quản trị.⁽⁷⁾

Tại Việt Nam, TTCĐ không được viện dẫn trong bất kì điều luật nào. Tuy nhiên, thực tiễn đầu tư kinh doanh những năm gần đây cho thấy TTCĐ ngày càng được quan tâm nhiều hơn nhưng “*thỏa thuận này chỉ được kí riêng giữa một số thành viên hoặc cổ đông và có giá trị ràng buộc giữa các thành viên hoặc cổ đông đó*”.⁽⁸⁾

Thực chất, TTCĐ và bản điều lệ công ti đều xoay quanh điều chỉnh mối quan hệ giữa các cổ đông, cổ đông với công ti, quyền của cổ đông, vấn đề quản lý công ti và là cơ sở để giải quyết những khúc mắc, tranh chấp nếu xảy ra trong quá trình quản lý, điều hành công ti. Hay có thể nói, bản điều lệ công ti cũng chính là một loại TTCĐ nhưng là thỏa thuận được cam kết bởi tất cả các cổ đông

của công ti (ngay cả những cổ đông gia nhập sau vào công ti cũng phải tuân thủ) và được thỏa thuận tại thời điểm thành lập công ti. Còn TTCĐ được hiểu theo nghĩa rộng là thỏa thuận giữa hai hay nhiều hay tất cả cổ đông về những vấn đề liên quan đến nội bộ công ti. Vì vậy, giữa hai văn bản này vẫn có sự khác biệt: *Thứ nhất*, không giống điều lệ công ti, TTCĐ không phải là tài liệu bắt buộc phải có trong công ti. TTCĐ chỉ được lập khi các cổ đông thấy cần thiết. TTCĐ có thể được kí kết tại thời điểm trước hoặc sau khi công ti được thành lập. *Thứ hai*, TTCĐ thông thường được các cổ đông tham gia kí kết giữ bí mật vì nó không phải là tài liệu có nghĩa vụ phải công bố cho bên thứ ba biết. Đây có thể được xem là lí do mà mặc dù đã có điều lệ công ti nhưng cổ đông vẫn có nhu cầu kí kết TTCĐ nhằm đem lại những quyền lợi đặc thù cho cổ đông tham gia thỏa thuận và điều đó lại được giữ kín. *Thứ ba*, nếu như điều lệ công ti được ví von như “bản hiến pháp” của công ti vì nó ràng buộc tất cả cổ đông công ti cũng như chính công ti đó phải tuân thủ thì ngược lại, TTCĐ chỉ ràng buộc những chủ thể tham gia thỏa thuận. Ngoài ra, điều lệ công ti còn có hiệu lực đối với bên thứ ba nhưng bên thứ ba có thể không biết và không có nghĩa vụ phải biết có sự tồn tại của TTCĐ. *Thứ tư*, vì điều lệ công ti là văn bản bắt buộc phải có khi thành lập doanh nghiệp nên pháp luật có quy định các điều khoản tối thiểu cần có trong một bản điều lệ và phải được thông qua hoặc đăng kí bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.^{(9),(10)} Trong khi đó,

(7). OECD Principles of corporate governance, 2004, tr. 35.

(8). Trương Nhật Quang, *Pháp luật về doanh nghiệp - các vấn đề pháp lý cơ bản*, Nxb. Dân trí, Hà Nội, 2016, tr. 233.

(9). Điều 8, Điều 18 Luật Công ti Anh năm 2006, <http://www.legislation.gov.uk/ukpga/2006/46/contents>, truy cập 06/5/2019.

(10). Điều 25 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

nội dung của TTCĐ hoàn toàn do các bên tham gia quyết định lựa chọn. Như vậy, rõ ràng dưới góc độ về luật doanh nghiệp, TTCĐ là văn bản pháp lí khác biệt với điều lệ công ti, không bắt buộc và chỉ điều chỉnh mối quan hệ giữa các chủ thể tham gia thoả thuận.

Dưới góc độ quản trị công ti, TTCĐ có thể được xem là cách để một nhóm cổ đông tham gia thoả thuận (có thể là những cổ đông sáng lập) “lèo lái” công ti theo hướng mình muốn thông qua quyền quyết định các vấn đề quan trọng hoặc quyền đề cử hay chỉ định người vào các chức danh quản lí, điều hành của công ti. Bởi lẽ, thông thường TTCĐ sẽ trao cho người tham gia thoả thuận quyền lợi cao hơn so với người không tham gia thoả thuận. Ngoài ra, TTCĐ được nhìn nhận như điều khoản quan trọng để giải quyết những trường hợp bế tắc của công ti (deadlock).⁽¹¹⁾

(11). Deadlock (bế tắc) là tình trạng không thể hoạt động do sự phản đối hoặc thiếu sự thỏa hiệp. Bế tắc là kết quả của sự chống đối không ngừng của hai lực lượng hoặc phe phái. Trong luật công ti, thuật ngữ này thể hiện việc hoạt động của một công ti bị bế tắc do một hoặc nhiều hơn một nhóm cổ đông hoặc thành viên hội đồng quản trị không đồng ý với một số chính sách của công ti. Thuật ngữ thể hiện trong Điều 14A:12-7(1)(a)(b) Luật Công ti kinh doanh của bang New Jersey, Hoa Kỳ, <https://law.justia.com/codes/new-jersey/2013/title-14a/section-14a-12-7/>, truy cập 10/04/2019, theo đó quy định: “a. Các cổ đông trong công ti bị chia rẽ về biểu quyết đến mức mà, trong khoảng thời gian bao gồm cả hai cuộc họp thường niên hàng năm liên tiếp được tổ chức, họ thất bại trong việc bầu người kế nhiệm các thành viên trong hội đồng quản trị mà có nhiệm kì sẽ hết sau việc bầu này. b. Thành viên hội đồng quản trị của công ti, hoặc 1 người hoặc nhiều người có thẩm quyền quản lí trong hội đồng quản trị, nếu các quy định trong giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh quy định tại điều 14A:5-21(2) có hiệu lực, không thể thực hiện một hoặc nhiều vấn đề quan trọng đối với việc quản lí công ti”.

Với những điều khoản trong TTCĐ đã được kí kết trước đó có thể giúp cổ đông bất đồng quan điểm thoái vốn nhanh hoặc giúp công ti thoát khỏi những cuộc tranh chấp, kiện tụng không đáng có.

Dưới góc độ về luật hợp đồng thì TTCĐ được xem là một hợp đồng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng. Tuy nhiên, TTCĐ khác với những hợp đồng dân sự thông thường bởi nội dung của thoả thuận liên quan và/hoặc ảnh hưởng đến vấn đề quản lí nội bộ của công ti. Do đó, nội dung của TTCĐ còn chịu sự ràng buộc của pháp luật doanh nghiệp hay pháp luật công ti của mỗi quốc gia.

Tóm lại, TTCĐ là thoả thuận giữa hai hay nhiều cổ đông của công ti về vấn đề liên quan tới công ti và/hoặc quyền lợi của cổ đông. Thoả thuận có thể được lập trước hoặc sau khi công ti đã ra đời, trong đó, quy định bổ sung và/hoặc cụ thể hơn, rõ ràng hơn một số điều khoản đặc thù nhằm gia tăng quyền lợi cho một nhóm cổ đông tham gia thoả thuận hoặc nhằm góp phần quản trị công ti hiệu quả, là cơ sở giải quyết tranh chấp khi có xung đột nội bộ.

2. Một số khía cạnh pháp lí về thoả thuận cổ đông

Như đã đề cập ở trên, TTCĐ không được quy định trong pháp luật Việt Nam. Từ quy định pháp luật về TTCĐ cũng như thực tiễn của một số nước trên thế giới, có thể thấy một số khía cạnh pháp lí về TTCĐ như sau:

Thứ nhất, về chủ thể tham gia TTCĐ

Hiện nay đang tồn tại ba quan điểm khác nhau về chủ thể của một TTCĐ:

Quan điểm đầu tiên cho rằng chủ thể tham gia TTCĐ bắt buộc phải là các cổ đông hoặc các nhóm cổ đông của cùng một công ti.

Theo pháp luật của Đức, mặc dù không nêu đích danh TTCĐ nhưng thừa nhận thỏa thuận giữa các thành viên công ti, các nhóm cổ đông công ti như một sự bổ sung cho điều lệ trong trường hợp những vấn đề đó chưa được luật công ti quy định.⁽¹²⁾ Cách hiểu này cũng được ủng hộ và áp dụng tại Thụy Sĩ.⁽¹³⁾ Ngoài ra, chủ thể tham gia TTCĐ không nhất thiết phải bao gồm tất cả các cổ đông, nghĩa là thỏa thuận được kí kết có thể giữa hai hay nhiều hay tất cả cổ đông với nhau. Quan điểm này được thể hiện rất rõ trong Luật Công ti của một số bang của Hoa Kỳ, cụ thể ở một số bang như Florida,⁽¹⁴⁾ Delaware.⁽¹⁵⁾ Ngoài ra, luật của bang Florida còn phân biệt giữa “shareholders’ agreements” (tạm dịch là Thỏa thuận cổ đông) và “shareholder agreements” (tạm dịch là Thỏa thuận với cổ đông.) Theo đó, “shareholders’ agreements”⁽¹⁶⁾ được hiểu là thỏa thuận giữa các cổ đông (hai hoặc nhiều cổ đông với nhau), còn “shareholder agreements”⁽¹⁷⁾ là thỏa thuận giữa các cổ đông của công ti và sẽ có hiệu lực với chính công ti khi được sự chấp thuận của tất cả các

cổ đông của công ti tại thời điểm kí kết thỏa thuận, hay nói cách khác là thỏa thuận của tất cả các cổ đông của công ti.

Trong khi đó, quan điểm thứ hai mở rộng thêm chủ thể của TTCĐ; cụ thể, một bên của TTCĐ bắt buộc phải là công ti đó. Bởi lẽ nếu chỉ là thỏa thuận giữa các cổ đông khi không được công ti chấp thuận thì thỏa thuận đó khó có thể được thực hiện. Theo quan điểm của Stepanov D.Y, lí do công ti là một phần của TTCĐ bởi vì đại hội đồng cổ đông sẽ phải thực hiện theo quyết định của các thành viên trong công ti, trong đó có các thành viên là các bên của TTCĐ. Công ti có thể là một bên của một thỏa thuận nếu tất cả cổ đông của nó tham gia hoặc một thỏa thuận mà không liên quan tất cả cổ đông nhưng công ti chỉ nhận quyền chứ không phải chịu nghĩa vụ từ bên khác của thỏa thuận.⁽¹⁸⁾ Cách tiếp cận này được ghi nhận trên thực tiễn TTCĐ tại Anh. Quan điểm này cũng được một số luật sư, nhà nghiên cứu tại Việt Nam thừa nhận.⁽¹⁹⁾

Quan điểm cuối cùng mở rộng chủ thể tham gia TTCĐ đến các bên thứ ba bên ngoài công ti nhưng có liên quan đến công ti như nhà đầu tư tiềm năng, chủ nợ công ti.⁽²⁰⁾ Ví dụ: ngân hàng cho công ti vay tiền nhưng lí do chấp nhận cho vay vì tin tưởng các nhà quản lí hiện tại của công ti, do đó, ngân hàng và công ti tham gia một thỏa thuận với điều khoản nếu công ti bổ nhiệm ban điều hành mới phải được sự chấp thuận của ngân hàng.

(12). Khoản 5 Điều 23 Luật Công ti cổ phần Đức năm 1965, [http://www.gesetze-im-internet.de/englisch_ aktg/](http://www.gesetze-im-internet.de/englisch_aktg/), truy cập 06/5/2019.

(13). Yu M Zhornokui, Olha Burlaka, and V H Zhornokui, “Shareholders Agreement: Comparative and Legal Analysis of the Legislation and Legal Doctrine of Ukraine, EU Countries and USA”, 2018, tr. 288 - 300.

(14). Điều 607.0731 Chương XXXVI Luật Tiểu bang Florida, tldđ.

(15). Điều 350, Phần 8, Chương 1 Luật Khung về công ti - General Corporation Law (Luật Tiểu bang Delaware 1953), <https://delcode.delwar.gov/title8/c001/>, truy cập 06/5/2019.

(16). Điều 607.0731 Chương XXXVI Luật Tiểu bang Florida, tldđ.

(17). Điều 607.0732 Chương XXXVI Luật Tiểu bang Florida, tldđ.

(18). Yu M Zhornokui, Olha Burlaka, and V H Zhornokui, sđđ, tr. 288 - 300.

(19). Trương Nhật Quang, sđđ, tr. 233.

(20). Yu M Zhornokui, Olha Burlaka, and V H Zhornokui, sđđ, tr. 288 - 300.

Tóm lại, TTCĐ chỉ đơn thuần là những thỏa thuận, cam kết được thực hiện giữa các cổ đông của công ti và chủ thể tham gia TTCĐ có thể là hai hoặc nhiều hoặc tất cả các cổ đông của công ti. Bởi lẽ, công ti không thể trở thành cổ đông của chính mình. Tuy nhiên, có trường hợp thỏa thuận giữa các cổ đông lại có ràng buộc đối với công ti khi thỏa thuận đó được chấp thuận bởi tất cả cổ đông hoặc khi được ghi nhận trong điều lệ hoặc một văn bản nội bộ của công ti (tính hiệu lực của TTCĐ sẽ được phân tích trong những phần sau). Đối với bên thứ ba thì không thể coi họ là cổ đông và tham gia vào các thỏa thuận liên quan quyền quản lý công ti, quyền và nghĩa vụ của cổ đông nhằm tránh các tác động tiêu cực như xâm phạm quyền cổ đông hay tiềm tàng nguy cơ của sự chiếm đoạt, thâm tóm mua lại công ti.

Thứ hai, về các loại TTCĐ

Có nhiều cách phân loại nhưng bài viết này lựa chọn việc phân loại TTCĐ dựa trên nội dung của thỏa thuận. Theo đó, TTCĐ được chia thành ba loại: 1) TTCĐ liên quan tới quyền biểu quyết; 2) TTCĐ liên quan tới việc chuyển nhượng cổ phần và 3) TTCĐ liên quan tới việc quản lý công ti.

- TTCĐ liên quan tới quyền biểu quyết

Quyền biểu quyết là quyền cơ bản của cổ đông và được ghi nhận bởi các nhà làm luật.⁽²¹⁾ TTCĐ liên quan tới quyền biểu quyết về các vấn đề của công ti phổ biến nhất hiện nay là thỏa thuận gộp quyền biểu quyết (pooling agreement) - sau đây gọi là thỏa thuận gộp,

thường được thực hiện thông qua uỷ thác biểu quyết (voting trust).

Tại Hoa Kỳ, trước đây, TTCĐ liên quan tới quyền biểu quyết không có hiệu lực bởi thẩm phán cho rằng 1) quyền biểu quyết không tách rời khỏi cổ phần; 2) trong các cuộc họp của công ti, cổ đông có nghĩa vụ biểu quyết vì lợi ích của công ti.⁽²²⁾ Tuy nhiên, Luật mẫu về công ti kinh doanh (Model Business Corporation Act) ra đời đã đưa ra các quy định để công nhận hiệu lực và tính bắt buộc thi hành của các TTCĐ liên quan tới biểu quyết gồm “pooling agreement” (tạm dịch là thỏa thuận gộp)⁽²³⁾ và “voting trust” (tạm dịch là uỷ thác biểu quyết).⁽²⁴⁾

(22). Ricardo Molano-León, sđd, tr. 219 - 252.

(23). Pooling agreement (thỏa thuận gộp) là một hợp đồng giữa hai cổ đông trở lên trong công ti, thỏa thuận rằng các cổ phần của họ sẽ trở thành một khối, nghĩa là các cổ đông này sẽ biểu quyết cùng một cách. Do đó, thông thường các cổ đông này sẽ tạo ra một “voting trust” (uỷ thác biểu quyết) bằng cách gộp quyền biểu quyết của họ và chuyển nó cho người được uỷ thác. Theo Official Comment của Điều 7.30 Luật mẫu về công ti kinh doanh Model Business Corporation Act 2016, Hoa Kỳ, quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông tham gia uỷ thác biểu quyết sẽ được gộp lại, http://www.lexisnexis.com/documents/pdf/20080618091347_large.pdf, truy cập 06/5/2019.

(24). Voting trust (uỷ thác biểu quyết) là việc một cổ đông trở lên chuyển quyền biểu quyết của cổ đông này cho một người được uỷ thác trong một khoảng thời gian. Tuy nhiên, cổ đông uỷ thác vẫn giữ lại lợi ích kinh tế (cổ tức và các khoản lợi nhuận từ cổ phần) của cổ phần này nhờ một chứng nhận uỷ thác được phát hành bởi người nhận uỷ thác. Sau khi nhận cổ phần từ người uỷ thác, người nhận uỷ thác có quyền biểu quyết nhân danh chính mình. Điều 7.30 của Luật mẫu về công ti kinh doanh Model Business Corporation Act quy định: “Một hoặc nhiều hơn một cổ đông có thể tạo ra uỷ thác biểu quyết, chuyển cho người được uỷ thác quyền biểu quyết bằng cách ký một thỏa thuận đặt ra các quy định uỷ thác và chuyển cổ phần cho người nhận uỷ thác”.

(21). Điểm a khoản 1 Điều 114 Luật Doanh nghiệp Việt Nam năm 2014 quy định: “Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:... thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, điều lệ công ti quy định”.

Pháp luật Đức cũng ghi nhận thoả thuận của cổ đông liên quan tới quyền biểu quyết. Việc các cổ đông bỏ phiếu hoặc không bỏ phiếu theo thoả thuận đều được chấp nhận.⁽²⁵⁾ Toà án Tối cao Liên bang Đức thừa nhận “pooling agreement” (tiếng Đức: Poolverträge) và định nghĩa nó không chỉ là thoả thuận giữa các cổ đông cùng nhất trí biểu quyết trong đại hội đồng cổ đông mà còn là thoả thuận đảm bảo duy trì số lượng cổ phần gộp. Theo đó, các thành viên trong nhóm gộp để đảm bảo cổ phần gộp được giữ nguyên sẽ không bán cổ phần mà không có sự đồng ý của các thành viên còn lại hoặc sẽ chào bán cổ phần của mình cho các thành viên còn lại.⁽²⁶⁾

- TTCD liên quan tới việc chuyển nhượng cổ phần

Về nguyên tắc, cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần. Pháp luật Việt Nam⁽²⁷⁾ hay pháp luật các nước đều thừa nhận tính khả nhượng của cổ phần hay phần vốn góp trong công ti. Tuy nhiên, vì các lý do như các thành viên sáng lập công ti muốn các thành viên cam kết gắn bó trong thời gian đầu khởi nghiệp nên họ kí thoả thuận hạn chế quyền chuyển nhượng phần vốn góp trong thời gian nhất định hoặc vì sợ mất quyền kiểm soát công ti vào tay người ngoài nên các cổ đông công ti thoả thuận nếu có cổ đông muốn bán cổ phần thì phải ưu tiên bán cho

các cổ đông này trước mặc dù số cổ phần này không rơi vào trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng do luật định⁽²⁸⁾ hoặc để giải quyết những vấn đề liên quan đến quản lý công ti, ví dụ như deadlock (tạm dịch là các điều khoản giải quyết bế tắc) mà yêu cầu cổ đông nhỏ phải bán cổ phần của mình. Trên thực tế, các điều khoản TTCD về nội dung này thường được bắt gặp với những hình thức⁽²⁹⁾ sau: 1) hạn chế chuyển nhượng cổ phần trong khoảng thời gian nhất định; 2) ưu tiên bán cổ phần cho các cổ đông của công ti; 3) các cổ đông còn lại phải mua cổ phần khi có cổ đông muốn bán hoặc khi phát sinh sự kiện theo thoả thuận; 4) yêu cầu cổ đông phải bán cổ phần khi phát sinh sự kiện theo thoả thuận; 5) yêu cầu được cùng bán cổ phần khi các cổ đông khác bán; 6) yêu cầu các cổ đông khác phải cùng bán khi cổ đông đó bán cổ phần.

- TTCD liên quan tới việc quản lý công ti

Một trong những mục đích để thúc đẩy các cổ đông tham gia một TTCD chính là vấn đề quản lý công ti, hay nói cách khác là quyền kiểm soát, chi phối công ti. Vì vậy, những điều khoản thường xuất hiện bao gồm: 1) quyền chỉ định người vào các chức danh quản lý công ti; 2) quyền quyết định hoặc phủ quyết những vấn đề quan trọng của công ti như sửa đổi, bổ sung điều lệ công ti; tổ chức lại công ti; thực hiện các dự án đầu tư lớn; bán tài sản lớn của công ti; kí các hợp đồng có khả năng ảnh hưởng tài sản công ti

(25). Markus Roth, “Shareholders’ Agreements in Listed Companies: Germany”, Available at SSRN 2234348, 2013, tr. 3.

(26). Markus Roth, sđd, tr. 3.

(27). Điều 1 khoản 1 Điều 114 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định: “Cổ đông phổ thông có quyền... tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật này”.

(28). Tại khoản 3 Điều 119 Luật Doanh nghiệp năm 2014 chỉ quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập trong 3 năm đầu.

(29). Các điều khoản này được viết dựa theo một số hợp đồng/TTCD của một số công ti, Trương Nhật Quang, sđd, tr. 8 - 45.

(vay, bảo lãnh...). Rõ ràng với những điều khoản trên thì TTCĐ đã trao cho người tham gia thỏa thuận những quyền năng lớn hơn so với các cổ đông còn lại của công ti.

Thứ ba, về hình thức của TTCĐ

Nhìn chung, pháp luật một số nước quy định hình thức của một TTCĐ là văn bản có chữ kí các bên như Ukraine, Nga, Hoa Kỳ. Một số nước khác cho phép thỏa thuận bằng lời nói như Đức, Thụy Sĩ, Anh.⁽³⁰⁾ Theo tác giả, một TTCĐ có thể bằng lời nói bởi tính bảo mật của nó. Tuy nhiên, trên thực tế khá khó áp dụng bởi điểm bất cập đối với một TTCĐ bằng lời nói là sự khó chứng minh một thỏa thuận như vậy tồn tại. Giá trị giao dịch càng lớn thì thiệt hại khi một bên phá vỡ thỏa thuận càng lớn, một thỏa thuận bằng lời nói sẽ tăng tính rủi ro cho giao dịch. Ngoài ra, lí do chính để một TTCĐ nên là văn bản, có chữ kí các bên là sự cần thiết đăng kí trong sổ cổ đông nếu có sự thay đổi về cổ phần trong công ti hoặc thông báo cho công ti nếu là thỏa thuận thay đổi điều lệ công ti.

3. Hiệu lực của thỏa thuận cổ đông

3.1. Hiệu lực đối với các bên tham gia thỏa thuận

Bản chất của TTCĐ là một hợp đồng giữa các cổ đông của công ti, tuy nhiên, ngoài đáp ứng những điều kiện thông thường để hợp đồng có hiệu lực thì tính pháp lí của TTCĐ còn phải được xem xét phù hợp với từng loại thỏa thuận

3.1.1. Thỏa thuận về biểu quyết

TTCĐ liên quan tới việc biểu quyết là phổ biến nhất trong các TTCĐ, trong đó có thỏa thuận gộp (pooling agreement) thông

qua uỷ thác biểu quyết (voting trust). “Pooling agreement” có thể bao gồm nhiều vấn đề liên quan tới nhu cầu của cổ đông như: 1) thỏa thuận bỏ phiếu bầu thành viên của hội đồng quản trị; 2) thỏa thuận trao quyền biểu quyết không tương xứng với cổ phần; 3) thỏa thuận bỏ phiếu để đạt được một chính sách cụ thể của công ti. Thỏa thuận này sẽ có tính hiệu lực. Tuy nhiên, toà án Hoa Kỳ sẽ coi nó không có hiệu lực nếu các cổ đông bán quyền biểu quyết của mình hoặc thỏa hiệp quyền biểu quyết được xét vì lợi ích cá nhân.⁽³¹⁾ Các quy định về “pooling agreement” trong MBCA là: 1) hai hoặc nhiều hơn hai cổ đông phải tham gia thỏa thuận; 2) thỏa thuận được soạn bằng văn bản; 3) thỏa thuận phải được kí bởi tất cả cổ đông tham gia.⁽³²⁾

Thông thường, các thỏa thuận gộp sẽ được thực hiện thông qua “voting trust”, tức là các cổ đông trong thỏa thuận gộp sẽ uỷ thác quyền biểu quyết của mình cho một bên thứ ba, thường không có mối liên hệ với công ti và người được uỷ thác sẽ sử dụng tất cả phiếu biểu quyết này để biểu quyết cho một vấn đề. Theo MBCA, thỏa thuận “voting trust” có hiệu lực khi: 1) một hoặc hai cổ đông của công ti trở lên phải tham gia thỏa thuận; 2) thỏa thuận lập bằng văn bản; 3) thỏa thuận phải được kí; 4) cổ đông chuyển nhượng cổ phần cho người được uỷ thác; 5) uỷ thác biểu quyết có thời hạn theo luật định theo MBCA; 6) công ti phải được thông báo về thỏa thuận

(31). Hall v. John S. Isaacs & Sons Farms 146 A.2d 602 (1958), <https://law.justia.com/cases/delaware/court-of-chancery/1958/146-a-2d-602-4.html>, truy cập 30/4/2019.

(32). Điều 7.31 Luật mẫu về công ti kinh doanh Model Business Corporation Act.

(30). Yu M Zhornokui, Olha Burlaka, and V H Zhornokui, sđd, tr. 288 - 300.

ủy thác biểu quyết, cụ thể: người được ủy thác chuẩn bị một danh sách và chuyển bản sao danh sách, thỏa thuận cho công ti.⁽³³⁾

Như vậy, qua phân tích trên cho thấy việc gộp phiếu trong việc biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông là phổ biến. Trừ những thỏa thuận về vấn đề quản lý công ti, các thỏa thuận về việc biểu quyết giữa các cổ đông chỉ cần hai cổ đông trở lên trong công ti kí kết, lập thành văn bản là có hiệu lực. Thỏa thuận như vậy sẽ có giá trị ràng buộc các cổ đông tham gia.

3.1.2. Thỏa thuận về hạn chế quyền chuyển nhượng cổ phần

Thực tiễn trên thế giới cũng như ở Việt Nam ghi nhận nhiều bản thỏa thuận giữa các cổ đông có nội dung về giới hạn chuyển nhượng cổ phần. Đó có thể là thỏa thuận cho phép công ti hoặc cổ đông của công ti có quyền phản đối với bất kì đề nghị chuyển nhượng cổ phần nào hoặc có thể là thỏa thuận buộc phải ưu tiên bán cổ phần cho công ti hoặc cổ đông trong công ti trước với cùng điều kiện nếu bán cho bên thứ ba... Tuy nhiên, vấn đề phức tạp sẽ phát sinh khi cổ đông không tuân theo thỏa thuận mà mình đã kí kết và vi phạm quyền tự do chuyển nhượng cổ phần mà pháp luật công ti của các quốc gia đều thừa nhận (transferable ownership rights).

Để giải quyết vấn đề này, tại Điều 6.27 Model Business Corporation Act 2016 của Hoa Kỳ quy định: Theo điều lệ thành lập công ti, luật, thỏa thuận giữa các cổ đông hoặc thỏa thuận giữa các cổ đông với công ti có thể áp đặt giới hạn chuyển nhượng hoặc đăng kí chuyển nhượng cổ phần của công

ti.⁽³⁴⁾ Như vậy, các cổ đông có thể thỏa thuận với nhau về việc giới hạn chuyển nhượng cổ phần và thỏa thuận giới hạn này sẽ có hiệu lực khi sự giới hạn nhằm để duy trì trạng thái của công ti khi công ti phụ thuộc vào số lượng hoặc danh tính của cổ đông của công ti, để bảo toàn điều khoản miễn trừ theo luật chứng khoán của tiểu bang hoặc liên bang hoặc vì bất kì mục đích hợp lý nào khác.⁽³⁵⁾

Tương tự, tại bang Texas, Hoa Kỳ, theo Điều 21.210 của Luật Business Organizations, các hạn chế chuyển nhượng như vậy có thể được thể hiện trong giấy đăng kí kinh doanh, điều lệ hay một thỏa thuận bằng văn bản giữa 2 hoặc nhiều hơn 2 cổ đông hoặc/và công ti. Bộ luật này cũng quy định hạn chế như vậy chỉ có hiệu lực nếu nó “reasonable” (hợp lý) nhưng không giải thích như thế nào là hợp lý. Cổ đông thiểu số luôn là bên yếu thế được pháp luật bảo vệ khỏi sự chèn ép của các cổ đông lớn. Thực tế, cần nhìn nhận rằng một thỏa thuận hạn chế mua bán cổ phần đôi khi là công cụ để cổ đông lớn chèn ép cổ đông thiểu số. Cụ thể, trong thỏa thuận mua bán, cổ đông thiểu số không có quyền kí hợp đồng để rút tiền và rời khỏi công ti khi bị chèn ép nhưng cổ đông lớn có cơ chế

(34). Nguyên văn: “The articles of incorporation, the bylaws, an agreement among shareholders, or an agreement between shareholders and the corporation may impose restrictions on the transfer or registration of transfer of shares of the corporation”.

(35). Nguyên văn: “to maintain the corporation’s status when it is dependent on the number or identity of its shareholders; to preserve exemptions under federal or state securities law; or for any other reasonable purpose”, *Business Organizations, Luật Tiểu bang Texas*, <https://statutes.capitol.texas.gov/?link=BO>, truy cập 06/5/2019.

(33). Điều 7.30 (a) (b) (c) Luật mẫu về công ti kinh doanh Model Business Corporation Act.

ép cổ đông thiểu số ra nếu anh ta muốn và các thoả thuận như vậy thường có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách của công ti và luôn thấp hơn giá thị trường. Khi mâu thuẫn cổ đông lên cao, cổ đông lớn sẽ thường cố gắng kích hoạt thoả thuận mua-bán, đồng thời áp đặt mức giá thấp hơn với cổ đông thiểu số. Lúc này, cổ đông thiểu số sẽ khiếu nại việc mua bán là “unreasonable” (không hợp lý) theo Luật Business Organization.⁽³⁶⁾

Pháp luật Pháp cũng ghi nhận tính hiệu lực của thoả thuận ưu tiên mua - bán thông qua phán quyết ngày 07/01/2004, số 00-11692⁽³⁷⁾ của Toà án Tối cao Pháp với nhận định rằng thoả thuận ưu tiên mua - bán trong vụ án không trái với nguyên tắc trật tự công, không trái với quy định bắt buộc của điều lệ và trái với lợi ích của công ti.⁽³⁸⁾ Vụ tranh chấp như sau: Hai vợ chồng B nắm giữ 2880/3000 cổ phiếu của Công ti Evreux Distribution, đã kí một TTCĐ cho phép tất cả cổ đông bán cổ phần của mình cho cổ đông khác với một giá “dễ chịu” hoặc với giá được xác định bởi chuyên gia trong danh sách mà các cổ đông

thoả thuận. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng B đã kí hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của họ trong Công ti Evreux Distribution cho Công ti Ope Intermarché. Theo các cổ đông khác, hợp đồng mua bán là vô hiệu còn theo vợ chồng B và Công ti Ope Intermarché, hợp đồng này có hiệu lực trong khi thoả thuận về ưu tiên mua-bán là vô hiệu do vi phạm nguyên tắc tự do chuyển nhượng của cổ phiếu bởi tồn tại trong thoả thuận một điều khoản quy định rằng cổ đông chỉ được tự do chuyển nhượng sau 12 tháng tính từ khi bắt đầu thủ tục ưu tiên mua - bán. Toà án cho rằng một TTCĐ hợp lệ khi nó không trái trật tự công, quy định bắt buộc của điều lệ hoặc lợi ích công ti. Trong trường hợp này, thoả thuận đưa ra thủ tục cho phép các cổ đông khác được ưu tiên mua nhưng không vi phạm nguyên tắc tự do thương lượng giá cổ phiếu hay giá được xác định bởi chuyên gia và cũng không trái với điều lệ, xâm phạm lợi ích công cộng hay công ty. Vì vậy, thoả thuận ưu tiên mua bán có hiệu lực nên việc chuyển nhượng cổ phần của hai vợ chồng B và Công ti Ope Intermarché là vô hiệu.

3.1.3. Thoả thuận về quản lí công ti

Trong bản án ngày 26/4/2017, số 15-12888,⁽³⁹⁾ Toà án tối cao Pháp đã vô hiệu một TTCĐ do TTCĐ này ảnh hưởng thể thức bãi nhiệm người quản lí của công ti cổ phần đã được quy định trong điều lệ. Theo đó, một thoả thuận quy định việc bổ nhiệm một người vào vị trí giám đốc là không có giá trị. Vụ án

(36). Eric Fryar, “The Buy Sell Agreement and Other Transfer Restrictions: Shareholder Agreements That Control Transferability and Provide Buy Sell Rights and Options”, 2019, <http://www.shareholderoppression.com/buy-sell>, truy cập 06/5/2019.

(37). Cour de Cassation, Chambre commerciale, n° 00-11692, 2019, <https://www.legifrance.gouv.fr/affichJuriJudi.do?idTexte=JURITEXT000007472179>, truy cập 30/4/2019.

(38). Cour de Cassation, Chambre Commerciale, N° 00-11692 “*les conventions entre actionnaires sont valables lorsqu’elles ne sont pas contraires à une règle d’ordre public, à une stipulation impérative des statuts ou à l’intérêt social*” (Tạm dịch: Các thoả thuận giữa cổ đông có giá trị khi nó không trái với nguyên tắc trật tự công, không trái với quy định bắt buộc của điều lệ hoặc lợi ích công ti).

(39). Cour de cassation, civile, Chambre commerciale, n° 15-12888, 2019, <https://www.legifrance.gouv.fr/affichJuriJudi.do?oldAction=rechJuriJudi&idTexte=JURITEXT000034555679&fastReqId=961391395&fastPos=1>, truy cập 30/4/2019.

dân sự như sau: Công ti X và Y có chung hoạt động về mua bán xe hơi, sáp nhập. Công ti Z là kết quả của việc sáp nhập được quy định trong thoả thuận, theo đó, quy định công ti Z sẽ được điều hành bởi hội đồng quản trị gồm số thành viên chẵn, được lựa chọn từ số ứng cử viên ngang nhau của hai nhóm cổ đông của công ti Z, tương ứng là cổ đông công ti X - cổ đông đa số và cổ đông công ti Y - cổ đông thiểu số. Thoả thuận cũng quy định rằng ông A đại diện cho công ti X là chủ tịch hội đồng quản trị và ông B đại diện của cổ đông công ti Y là tổng giám đốc của công ti. Tuy nhiên, tổng giám đốc bị miễn nhiệm bởi không đáp ứng được điều kiện do điều lệ quy định rằng tổng giám đốc phải là thành viên hội đồng quản trị. Ông B lúc này kiện ông A là cổ đông đa số vì cho rằng đã có sự vi phạm TTCĐ và yêu cầu nhóm cổ đông ông A phải bồi thường.

Toà án Pháp cho rằng, theo Điều 1851 Bộ luật Dân sự Pháp quy định về thể thức bãi nhiệm như sau: *“Trừ khi được quy định khác trong điều lệ, người quản lý có thể bị miễn nhiệm bởi quyết định của các thành viên trong công ti đại diện cho hơn một nửa cổ phần”*. Như vậy, việc bãi nhiệm người quản lý của công ti cổ phần luôn tuân theo thể thức nhất định được quy định trong điều lệ hoặc trong luật và thể thức này được coi là quy định bắt buộc, nếu TTCĐ ảnh hưởng quy định này thì sẽ bị tuyên vô hiệu.

Đối với các thoả thuận liên quan tới việc quản lý công ti, toà án Hoa Kỳ cũng có kết luận tương tự khi cho rằng thoả thuận sẽ vô hiệu bởi 1) thoả thuận vi phạm điều lệ; 2) nghĩa vụ phải luôn hành động vì lợi ích của công ti của các thành viên trong hội đồng quản trị cũng như những người quản lý, điều

hành công ti; 3) thoả thuận này là không công bằng đối với những cổ đông không tham gia.⁽⁴⁰⁾ Tuy nhiên, những năm gần đây, thẩm phán đã linh động hơn trong việc xem xét tính hiệu lực của những thoả thuận này. Điển hình là trong vụ Zion v Kurtz,⁽⁴¹⁾ hai cổ đông của Công ti Lombard-Wall Group, Inc. Hai cổ đông này tham gia một TTCĐ, thoả thuận rằng bất kỳ hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động khác nào của Công ti cũng cần sự đồng ý của Zion. Bất chấp thoả thuận, Kurtz đã tham gia vào một số hoạt động của Công ti mà không có sự đồng ý của Zion. Zion đã khởi kiện chống lại Kurtz. Thoả thuận thực thi theo Luật Tiểu bang Delaware. Luật Delaware cho phép thoả thuận trong đó cổ đông của công ti đóng quản trị công ti chứ không phải là hội đồng quản trị.⁽⁴²⁾ Tuy nhiên, Luật Delaware yêu cầu các điều khoản thành lập công ti phải thể hiện thoả thuận về việc quản lý bởi cổ đông. Trong trường hợp này, điều khoản thành lập công ti không thể hiện sự tồn tại của TTCĐ được lập ra bởi Zion và Kurtz.

Trong bản án này, toà án cho rằng điều khoản thành lập công ti có thể sửa đổi để bao gồm quy định hạn chế thẩm quyền của thành viên hội đồng quản trị. Do đó, Kurtz (bên bị đơn) phải có trách nhiệm hoàn thiện văn bản do luật định nên thiếu việc hoàn thiện này không thể coi là lí do để không thực hiện thoả thuận và kết luận là thoả thuận

(40). Ricardo Molano-León, sdd, tr. 20.

(41). Zion v. Kurtz, 50 N. Y. 2, <https://casetext.com/case/zion-v-kurtz-2>, truy cập 01/5/2019.

(42). Zion v. Kurtz, 50 N. Y. 2. Tòa án trích mục a Điều 141, Điều 350, Điều 352, Điều 354 Luật chung về công ti của tiểu bang Delaware General Corporation Law of Delaware.

giữa Zion và Kurtz có tính bắt buộc thực thi vì các lí do sau: 1) không có sự can thiệp của bên thứ ba; 2) thoả thuận không bị cấm; 3) Kurtz đã đồng ý trước sự giới hạn này.

Thực tế, một trong các điều khoản thường gặp trong các TTCD là chỉ định một người có chuyên môn trở thành người quản lí. Cụ thể hơn là các bên kí kết thoả thuận cam kết sẽ sử dụng quyền hạn của mình trong bộ máy quản lí để đạt được mục tiêu đề ra. Thoả thuận sẽ không bỏ nhiệm giám đốc hoặc tổng giám đốc nhưng quy định rằng các bên kí kết cam kết sẽ bầu người này vào vị trí giám đốc hoặc tổng giám đốc nhưng không loại trừ khả năng một thoả thuận như vậy có thể có rủi ro rằng người được bầu sẽ bị bãi nhiệm theo một thể thức sau đó. Hay nói cách khác, các bên trong thoả thuận cam kết bầu một người vào vị trí giám đốc hoặc tổng giám đốc và sau đó bầu bãi nhiệm anh ta. Lẽ thông thường, nếu có trường hợp đó xảy ra, các bên làm trái thoả thuận sẽ phải chịu trách nhiệm trước các bên kí kết thoả thuận khác, trừ khi anh ta chứng minh được rằng việc bầu này là có lợi cho công ti. Lúc đó, theo phán quyết nêu trên, thoả thuận là bất hợp pháp và không có giá trị. Người làm trái thoả thuận sẽ không phải bồi thường thiệt hại.

Luật Công ti của Bỉ cũng quy định tương tự, theo đó, TTCD sẽ vô hiệu nếu: 1) trái luật công ti hoặc quyền lợi của công ti, *ví dụ*: thoả thuận trái với nguyên tắc miễn nhiệm người quản lí trong công ti cổ phần hoặc thoả thuận cung cấp các phiếu biểu quyết lớn hoặc/và 2) theo đó một cổ đông cam kết bỏ phiếu theo chỉ thị đưa ra bởi công ti, công ti con hoặc bởi 1 cơ quan trong công ti này. Việc cấm này

nhằm bảo vệ sự cân bằng quyền lực của công ti cổ phần hoặc/và 3) theo đó một cổ đông cam kết sẽ tán thành các đề xuất từ các cơ quan trong công ti.^{(43),(44)}

Một TTCD về quản lí công ti là một thoả thuận sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của tất cả cổ đông và lợi ích của công ti. Do đó, thoả thuận này có hiệu lực nếu đáp ứng được các điều kiện sau: 1) thoả thuận được sự đồng thuận của tất cả cổ đông trong công ti hoặc thoả thuận phải được biết bởi công ti và được ghi nhận tại điều lệ, luật hoặc một văn bản được toàn bộ cổ đông kí kết; 2) thoả thuận không trái trật tự công cộng, lợi ích công ti, quyền lợi của cổ đông thiểu số.

3.2. Hiệu lực đối với bên thứ ba

Bên thứ ba được hiểu là không phải một bên của thoả thuận, không phải chủ thể tham gia thoả thuận, không thể hiện ý chí trong TTCD. Bên thứ ba có thể là các cổ đông không tham gia kí kết thoả thuận hoặc là chủ nợ, đối tác của công ti hoặc chính công ti cổ phần đó. Rõ ràng, điều lệ công ti đương nhiên có giá trị pháp lí đối với bên thứ ba mặc dù bên thứ ba không tham gia soạn thảo, kí kết điều lệ. Bên thứ ba không thể nại rằng tôi không biết công ti muốn vay tiền của mình thì phải được sự phê duyệt của hội đồng quản trị hay đại hội đồng cổ đông vì tôi không biết điều lệ công ti. Cổ đông công ti cũng không thể nói rằng tôi chỉ là cổ đông gia nhập sau

(43). Khoản 1 Điều 551 Luật Công ti của Bỉ năm 2014, <https://www.jdsupra.com/legalnews/belgian-code-on-companies-and-76161/>, truy cập 06/5/2019.

(44). Pierre Paulus de Châtelet, “Les Clauses Relatives à l’exercice Du Droit de Vote”, http://droitbelge.be/fiches_detail.asp?idcat=32&id=768, truy cập 06/5/2019.

nên không biết nội dung của điều lệ công ti được soạn thảo bởi các cổ đông sáng lập. Bởi lẽ điều lệ công ti là bản thoả thuận của tất cả các cổ đông công ti, công ti có nghĩa vụ phải công khai điều lệ công ti và bên thứ ba có nghĩa vụ phải tìm hiểu về điều lệ công ti trước khi giao dịch. Vậy giá trị pháp lí của TTCĐ như thế nào đối với bên thứ ba?

Pháp luật của Đức và Thụy Sĩ xem TTCĐ là thoả thuận độc lập và nó chỉ điều chỉnh mối quan hệ giữa các cổ đông đã kí kết với nhau.⁽⁴⁵⁾ Trong khi đó, Luật của Bang Florida về TTCĐ đã quy định rõ: TTCĐ chỉ có hiệu lực với các bên tham gia. Người nhận chuyển nhượng cổ phần mà các cổ đông của cổ phần đó tham gia vào một TTCĐ sẽ bị ràng buộc bởi thoả thuận nếu như bên nhận chuyển nhượng nhận cổ phần kèm với thông báo. Người nhận chuyển nhượng được xem là đã nhận được thông báo về thoả thuận hoặc về sự gia hạn nào nếu như sự tồn tại của thoả thuận được thể hiện trên mặt trước hoặc mặt sau của tờ giấy chứng nhận của cổ phần.⁽⁴⁶⁾ Như vậy, đối với Luật Tiểu bang Florida nói chung và Luật Công ti Hoa Kỳ nói riêng thì TTCĐ đơn thuần có giá trị

pháp lí với các bên trong thoả thuận và chỉ có hiệu lực đối với bên thứ ba nên bên thứ ba biết hoặc buộc phải biết sự tồn tại của thoả thuận.

Có thể nói, thoả thuận chỉ ràng buộc các cổ đông kí kết mà không có ý nghĩa với bên thứ ba bởi tính bảo mật của nó và bởi bên thứ ba không thể hiện ý chí tham gia thoả thuận này. Vì vậy, nếu vi phạm thoả thuận chỉ ảnh hưởng tới các bên trong thoả thuận chứ không ảnh hưởng tới bên thứ ba. Ví dụ: Khi cổ đông (những cổ đông tham gia thoả thuận) bỏ phiếu trong đại hội đồng cổ đông mà vi phạm các điều khoản trong thoả thuận sẽ dẫn tới trách nhiệm của các bên nhưng không ảnh hưởng tới kết quả của cuộc bỏ phiếu.

4. Kết luận

Qua các nội dung phân tích ở trên, có thể tạm đưa ra một số kết luận nghiên cứu như sau: TTCĐ có thể tác động không chỉ đến các cổ đông hoặc nhóm cổ đông tham gia thoả thuận mà đôi khi còn ảnh hưởng đến lợi ích của công ti, quyền lợi chính đáng của cổ đông không tham gia thoả thuận. Do đó, pháp luật công ti của nhiều nước trên thế giới đã có những quy định hay hướng dẫn cần thiết cho loại thoả thuận này. Tuy nhiên, tính hiệu lực của TTCĐ còn phụ thuộc rất nhiều vào chủ thể, nội dung của từng thoả thuận khác nhau nên pháp luật không thể đưa ra quy định mang tính cứng nhắc. Vì vậy, cần thiết phải bổ sung trong pháp luật doanh nghiệp Việt Nam những quy định về TTCĐ mang tính nguyên tắc. Quy định TTCĐ có thể như sau:

1) TTCĐ là thoả thuận bằng văn bản hoặc hình thức tương đương văn bản giữa hai hay nhiều cổ đông của công ti về quyền của cổ đông và các vấn đề quản lí công ti.

(45). Dieter Mayer, 'Grenzen von Aktionärsvereinbarungen' (MittBayNot, 2006), tr. 281.

(46). Điều 607.0731 - Shareholders' agreements, Chương XXXVI Business Organizations (Luật Tiểu bang Florida) quy định: "A transferee of shares in a corporation the shareholders of which have entered into an agreement authorized by subsection (1) shall be bound by such agreement if the transferee takes shares subject to such agreement with notice thereof. A transferee shall be deemed to have notice of any such agreement or any such renewal if the existence thereof is noted on the face or back of the certificate or certificates representing such shares".

2) TTCĐ có giá trị pháp lý đối với các bên tham gia thỏa thuận khi đáp ứng đủ điều kiện có hiệu lực của hợp đồng trong Bộ luật Dân sự, không trái với lợi ích công cộng và không ảnh hưởng đến lợi ích chính đáng của công ti và các cổ đông thiểu số.

3) Trường hợp TTCĐ có nội dung liên quan đến vấn đề quản lý công ti thì chỉ có giá trị pháp lý khi được điều lệ công ti dẫn chiếu hoặc được thông qua tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông hoặc được chấp thuận bởi tất cả các cổ đông của công ti./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alersever, Jennifer, “Fighting Co-Founders Doom Startups”, <https://money.cnn.com/2014/02/24/smallbusiness/startups-entrepreneur-cofounder/index.html>
2. Black’s Law Dictionary - Free Online Legal Dictionary’, 2019, <https://thelawdictionary.org/shareholders-agreement/>
3. Châtelet, Pierre Paulus de, “Les Clauses Relatives à l’exercice Du Droit de Vote”, http://droitbelge.be/fiches_detail.asp?idcat=32&id=768
4. Cour de Cassation, Chambre commerciale, n° 00-11692, 2019, <https://www.legifrance.gouv.fr/affichJuriJudi.do?idTexte=JURITEXT000007472179>
5. Cour de cassation, civile, Chambre commerciale, n° 15-12888, 2019, <https://www.legifrance.gouv.fr/affichJuriJudi.do?oldAction=rechJuriJudi&idTexte=JURITEXT000034555679&fastReqId=961391395&fastPos=1>
6. Fryar, Eric, “The Buy Sell Agreement and Other Transfer Restrictions: Shareholder Agreements That Control Transferability and Provide Buy Sell Rights and Options”, 2019, <http://www.shareholderoppression.com/buy-sell>
7. Hall v. John S. Isaacs & Sons Farms 146 A.2d 602 (1958), <https://law.justia.com/cases/delaware/court-of-chancery/1958/146-a-2d-602-4.html>
8. Henn, Harry G, and John R Alexander, *Laws of Corporations and Other Business Enterprises*, West Academic, 1983.
9. Mayer, Dieter, “Grenzen von Aktionärsvereinbarungen”, MittBayNot, 2006.
10. Molano-León, Ricardo, “Shareholders’ agreements in Close Corporations and Their Enforcement in the United States of America”, *Vniversitas*, 117, 2008, 219-52.
11. *OECD Principles of Corporate Governance*, 2004.
12. Trương Nhật Quang, *Pháp luật về doanh nghiệp các vấn đề pháp lý cơ bản*, Nxb. Dân trí, Hà Nội, 2016.
13. Roth, Markus, “Shareholders’ Agreements in Listed Companies: Germany”, *Available at SSRN 2234348*, 2013.
14. York, Corporation Law Committee of the Association of the Bar of the City of New, “The Enforceability and Effectiveness of Typical Shareholders Agreement Provisions”, *The Business Lawyer*, 2010.
15. Zhornokui, Yu M, Olha Burlaka, and V H Zhornokui, “Shareholders Agreement: Comparative and Legal Analysis of the Legislation and Legal Doctrine of Ukraine, EU Countries and USA”, 2018.
16. Zion v. Kurtz, 50 N. Y. 2, <https://casetext.com/case/zion-v-kurtz-2>